



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

**Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
SANEST KHÁNH HÒA**

**Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 – 29
Phụ lục 1: Chi tiết Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	30
Phụ lục 2: Bảng tổng hợp tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	31



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (“Công ty”) là công ty được chuyển đổi từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Sanest Khánh Hòa theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Vào ngày 09 tháng 11 năm 2017, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần, mã số doanh nghiệp 4201675916, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 11 năm 2017 chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (84.258) 3865 666

Fax: (84.258) 3865 664

Website: www.sanestkhanhhoa.com.vn

Vốn điều lệ 330.000.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần 10.000 đồng

Tổng số cổ phần 33.000.000

Mã giao dịch SKH (Upcom)

Sàn giao dịch Trung tâm chứng khoán Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống không cồn, rượu, bia; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống không cồn, rượu, bia; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Bùi Thị Hạnh	Chủ tịch	09/11/2017
Bà Lê Thị Hồng Vân	Thành viên/ Tổng Giám đốc	09/11/2017
Ông Lê Đức Tiến	Thành viên	09/11/2017
Bà Võ Thị Liễu Nhi	Thành viên	09/11/2017
Ông Đào Tấn Trung	Thành viên	09/11/2017

Ban Tổng Giám đốc

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Lê Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc	09/11/2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế toán trưởng

Bà Ngô Thị Hương Liên

Chức vụ

Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm

09/11/2017

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là

Bà Bùi Thị Hạnh

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT

Ngày bổ nhiệm

09/11/2017

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Sự kiện quan trọng ảnh hưởng trong kỳ tài chính 2017

Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho trở thành công ty đại chúng theo Quyết định số 870/QĐ/SGDHN ngày 18 tháng 10 năm 2017.

Báo cáo tổng hợp của Công ty bao gồm 2 giai đoạn kế toán:

- Từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 đến 15 tháng 11 năm 2017: Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.
- Từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2017: Cổ phần

Do đó, các số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 được tổng hợp từ 2 kỳ kế toán nêu trên, không mang tính so sánh với số liệu của năm trước trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Để lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Công bố các báo cáo tài chính

Tôi công bố Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



[Handwritten signature]

BÙI THỊ HẠNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

[Handwritten mark]

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2018





Số: 017/2018/BCKT-HCM.00933

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 02 năm 2018, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3004
CET
PACH U
KIEM
AFC I
17-18

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

1. Số liệu đầu kỳ được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 08 tháng 11 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 14 tháng 01 năm 2018.
2. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty bao gồm 2 giai đoạn
 - Từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 đến 15 tháng 11 năm 2017: Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.
 - Từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2017: Cổ phần

Do đó, các số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 được tổng hợp từ 2 kỳ kế toán nêu trên, không mang tính so sánh với số liệu của năm trước trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Việc lựa chọn năm tài chính đầu tiên của Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa tùy thuộc vào việc quyết định của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ các qui định pháp lý hiện hành.




BÙI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2018


NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2782-2014-009-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		257.032.223.146	707.715.890.003
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	53.472.267.262	427.575.709.599
Tiền	111		23.472.267.262	427.575.709.599
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.865.678.887	84.632.723.276
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	18.242.038.634	84.089.070.806
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	186.661.950	169.381.950
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	436.978.303	374.270.520
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Hàng tồn kho	140	5.5	182.113.351.735	186.298.199.240
Hàng tồn kho	141		182.113.351.735	186.298.199.240
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.580.925.262	9.209.257.888
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	1.383.776.760	3.183.446.274
Thuế GTGT được khấu trừ	152		947.186.230	5.775.811.614
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7	249.962.272	250.000.000
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		237.979.622.102	243.054.327.590
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Tài sản cố định	220		140.254.090.505	143.779.115.204
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	140.254.090.505	143.779.115.204
Nguyên giá	222		226.107.444.946	225.856.925.518
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.853.354.441)	(82.077.810.314)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
Nguyên giá	228		242.777.779	242.777.779
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(242.777.779)	(242.777.779)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.637.115.782	5.704.125.959
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	5.637.115.782	5.704.125.959
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		92.088.415.815	93.571.086.427
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	92.088.415.815	93.571.086.427
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		495.011.845.248	950.770.217.593



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

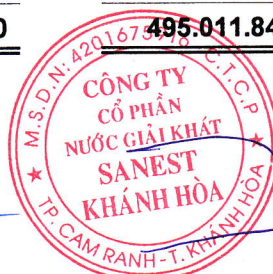
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		152.961.491.053	620.770.217.593
Nợ ngắn hạn	310		152.961.491.053	620.770.217.593
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	114.247.082.102	156.300.314.012
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.136.610.946	2.273.770.209
Phải trả người lao động	314		30.986.689.869	34.974.625.187
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	75.000.000	215.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	516.108.136	427.006.508.185
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		342.050.354.195	330.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	342.050.354.195	330.000.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		330.000.000.000	330.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.000.000.000	330.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		825.366.726	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.224.987.469	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.224.987.469	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		495.011.845.248	950.770.217.593



NGÔ THỊ HƯƠNG LIÊN
Kế toán trưởng



LÊ THỊ HỒNG VÂN
Tổng Giám đốc





BÙI THỊ HẠNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ 09/11/2017 đến 31/12/2017

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ 09/11/2017 đến 31/12/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		273.369.160.844
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.112.665.533
Doanh thu thuần	10	6.1	272.256.495.311
Giá vốn hàng bán	11	6.2	228.385.174.005
Lợi nhuận gộp	20		43.871.321.306
Doanh thu hoạt động tài chính	21		89.705.116
Chi phí tài chính	22		20.646.730
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-
Chi phí bán hàng	25	6.3	15.897.546.363
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	4.403.435.645
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		23.639.397.684
Thu nhập khác	31		-
Chi phí khác	32		510.000
Lợi nhuận khác	40		(510.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.638.887.684
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	4.727.777.537
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.911.110.147

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

70 6.5

371

NGÔ THỊ HƯƠNG LIÊN
Kế toán trưởng

LÊ THỊ HỒNG VÂN
Tổng Giám đốc




BÙI THỊ HẠNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

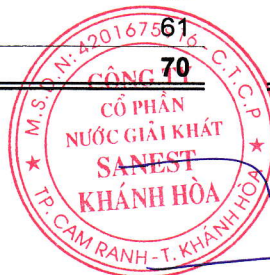
(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ kế toán từ 09/11/2017 đến 31/12/2017

	Mã số	Kỳ kế toán từ 09/11/2017 đến 31/12/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	01	23.638.887.684
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Khấu hao tài sản cố định	02	3.775.544.127
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(74.645.869)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	27.339.785.942
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	71.438.316.499
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.184.847.505
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(470.917.219.001)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	3.282.340.126
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.736.227.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(369.408.155.929)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(105.705.277)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	74.645.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.059.408)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.664.227.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.664.227.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(374.103.442.337)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	427.575.709.599
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	53.472.267.262


 NGÔ THỊ HƯƠNG LIÊN
 Kế toán trưởng


 LÊ THỊ HỒNG VÂN
 Tổng Giám đốc




 BÙI THỊ HẠNH
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Khánh Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa ("Công ty") là công ty được chuyển đổi từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Sanest Khánh Hòa theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Vào ngày 09 tháng 11 năm 2017, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần, mã số doanh nghiệp 4201675916, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 11 năm 2017 chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống không cồn, rượu, bia; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống không cồn, rượu, bia; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Năm tài chính của Công ty gồm:

- Từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 đến 15 tháng 11 năm 2017: Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.
- Từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2017: Cổ phần

Do đó, các số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 được tổng hợp từ 2 kỳ kế toán nêu trên, không mang tính so sánh với số liệu của năm trước trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 701 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm dở dang cuối kỳ: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và bao bì.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 0223/2017/VLAND-HCM ngày 21 tháng 02 năm 2016 của Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanest Khánh Hòa tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 (mười) năm kể từ ngày Công ty chuyển sang cổ phần.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm: Chi phí quảng cáo, bảo hiểm được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng quảng cáo, bảo hiểm.

4.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15 năm
Máy móc thiết bị	04 – 12 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị quản lý	05 năm
Tài sản khác	05 năm
Chương trình phần mềm	05 năm

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính này có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.14 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.15 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Cổ đông
Công ty cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	Cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần Nước Giải khát Sanna	Cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng Sanatech Land	Cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV DV Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Tuyền Bắc Nam	Cùng chủ đầu tư
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	166.107.665	33.708.028
Tiền gửi ngân hàng – VND	23.304.565.896	427.540.182.475
Tiền gửi ngân hàng – USD	1.593.701	1.819.096
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng – VND	30.000.000.000	-
	53.472.267.262	427.575.709.599

Số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017		09/11/2017	
	USD	VND	USD	VND
Số dư có gốc ngoại tệ	70,30	1.593.701	82,00	1.819.096

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Phải thu các bên liên quan	18.189.542.570	84.008.388.776
Công ty cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	10.521.113.089	82.832.192.609
Công ty cổ phần Nước Giải khát Sanna	1.242.711.952	1.176.196.167
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	5.281.749.979	-
Công ty TNHH MTV DV Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	1.143.967.550	-
Phải thu các khách hàng khác	52.496.064	80.682.030
Khách hàng khác	52.496.064	80.682.030
	18.242.038.634	84.089.070.806

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Trả trước cho người bán - nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH năng lượng môi trường Biển Đông	83.390.450	83.390.450
Công ty SGS Việt Nam TNHH	72.500.000	59.900.000
Nhà cung cấp khác	30.771.500	26.091.500
	186.661.950	169.381.950

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		09/11/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	-	3.000.000	-
Phải thu lại bảo hiểm của người lao động	-	-	333.861.840	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	9.332.520	-	-	-
Tạm chi Quỹ phúc lợi, khen thưởng	415.239.097	-	-	-
Phải thu khác	9.406.686	-	37.408.680	-
	436.978.303	-	374.270.520	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017		09/11/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	5.832.724.725	-
Nguyên vật liệu	21.828.489.519	-	15.656.537.901	-
Công cụ, dụng cụ	69.688.591.781	-	67.744.361.249	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	15.039.582.750	-	13.479.066.904	-
Thành phẩm	53.181.141.533	-	68.411.501.514	-
Hàng hóa	3.225.824	-	493.724	-
Hàng gửi đi bán	22.372.320.328	-	15.173.513.223	-
	182.113.351.735	-	186.298.199.240	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Công cụ, dụng cụ	1.073.026.760	2.717.696.274
Thuê mặt bằng	310.750.000	465.750.000
	1.383.776.760	3.183.446.274

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	90.620.193.285	92.156.128.765
Công cụ, dụng cụ	1.468.222.530	1.414.957.662
	92.088.415.815	93.571.086.427

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA
 Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa nộp thừa	249.962.272	250.000.000
	249.962.272	250.000.000

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình: xem phụ lục số 2

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 09/11/2017	242.777.779	242.777.779
Tăng trong kỳ	-	-
Tại ngày 31/12/2017	242.777.779	242.777.779
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 09/11/2017	242.777.779	242.777.779
Khấu hao trong kỳ	-	-
Tại ngày 31/12/2017	242.777.779	242.777.779
Giá trị còn lại		
Tại ngày 09/11/2017	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	-

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Chi mua sắm tài sản cố định	5.208.739.456	5.276.107.906
Khác	428.376.326	428.018.053
	5.637.115.782	5.704.125.959

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		09/11/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả nhà cung cấp – Bên liên quan	52.259.004.330	52.259.004.330	57.117.126.999	57.117.126.999
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yên sào Khánh Hòa	52.259.004.330	52.259.004.330	49.580.615.635	49.580.615.635
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	-	-	4.057.329.921	4.057.329.921
Công ty TNHH MTV DL Sanest Tourist	3.332.849.258	3.332.849.258	3.144.353.543	3.144.353.543
Công ty TNHH MTV DV Tuyển Bắc Nam	2.732.177.380	2.732.177.380	334.827.900	334.827.900
Phải trả các nhà cung cấp khác	55.923.051.134	55.923.051.134	99.183.187.013	99.183.187.013
Công ty Liên doanh TNHH Crow Sài Gòn	16.316.120.066	16.316.120.066	20.916.657.984	20.916.657.984
Công ty TNHH MTV TM DV In Bao bì Cuộc Sống Mới	6.219.633.145	6.219.633.145	9.535.375.905	9.535.375.905
Nhà cung cấp khác	33.387.297.923	33.387.297.923	68.731.153.124	68.731.153.124
	114.247.082.102	114.247.082.102	156.300.314.012	156.300.314.012

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	09/11/2017		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng nội địa	250.000.000	-	732.486.721	(732.448.993)	249.962.272	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.197.330.767	(3.197.330.767)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	593.852.784	(593.852.784)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.238.019.609	4.727.777.537	-	-	6.965.797.146
Thuế thu nhập cá nhân	-	34.475.000	363.304.000	(227.794.000)	-	169.985.000
Thuế tài nguyên	-	1.275.600	1.969.600	(2.416.400)	-	828.800
Cộng	250.000.000	2.273.770.209	9.616.721.409	(4.753.842.944)	249.962.272	7.136.610.946

Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Nước sản xuất, đường phèn, đường kết tinh 5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác 10%

Thuế GTGT hàng nhập khẩu và thuế nhập khẩu:

Công ty kê khai và nộp thuế theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được dự tính như sau:

	Từ 09/11/2017 đến 15/11/2017	Từ 16/11/2017 đến 31/12/2017	Cộng
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.004.719.543	20.634.168.141	23.638.887.684
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.004.719.543	20.634.168.141	23.638.887.684
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	600.943.909	4.126.833.628	4.727.777.537

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	09/11/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	75.000.000	215.000.000
	75.000.000	215.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA
 Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Phải trả về cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	-	425.928.950.289
Kinh phí công đoàn	375.913.232	256.208.896
Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	135.992.415	-
Phải trả khác	4.202.489	821.349.000
	516.108.136	427.006.508.185

5.15 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.15.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 09/11/2017	330.000.000.000	-	-	330.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	18.911.110.147	18.911.110.147
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	(207.992.415)	(207.992.415)
Trích quỹ trong kỳ	-	1.546.499.416	(6.862.764.157)	(5.316.264.741)
Chuyển lợi nhuận cho chủ đầu tư	-	-	(615.366.106)	(615.366.106)
Điều chuyển cho Công ty TNHH MTV Yến sào Sanest Khánh Hòa	-	(721.132.690)	-	(721.132.690)
Số dư tại ngày 31/12/2017	330.000.000.000	825.366.726	11.224.987.469	342.050.354.195

5.15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần, mã số doanh nghiệp 4201675916, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016 (với hình thức công ty TNHH Một thành viên), đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 11 năm 2017 chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp:

Vốn điều lệ:	330.000.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	33.000.000	cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	168.500.000.000	51,06
Các cổ đông khác	161.500.000.000	48,94
	330.000.000.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.15.3 Cổ phiếu

	31/12/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	33.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
• Cổ phiếu phổ thông	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	33.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại	Thuyết minh	31/12/2017	09/11/2017
Dollar Mỹ (USD)	5.1	70,30	82,00

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 09/11/2017 đến 31/12/2017 VND
Doanh thu – Thành phẩm	271.041.771.011
Doanh thu – Hàng hóa	2.137.522.633
Doanh thu – Nguyên vật liệu	189.867.200
Doanh thu	273.369.160.844
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.112.665.533)
Doanh thu thuần	272.256.495.311

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:

	Từ 09/11/2017 đến 31/12/2017 VND
Doanh thu bán hàng	
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	257.700.267.736
Công ty TNHH nước giải khát Sanna Khánh Hòa	245.890.960
Công ty TNHH Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	2.960.566.768
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	44.246.500
Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng Sanatech Land	8.508.411.500
Công ty TNHH MTV DV Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	1.039.970.500
	270.499.353.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 09/11/2017 đến 31/12/2017 VND
Giá vốn – Thành phẩm	226.129.786.266
Giá vốn – Hàng hóa	2.070.442.882
Giá vốn – Nguyên vật liệu	184.944.857
Giá vốn hàng bán	228.385.174.005

6.3 Chi phí bán hàng

	Từ 09/11/2017 đến 31/12/2017 VND
Chi phí nhân viên	1.387.415.747
Chi phí vận chuyển	3.015.416.912
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.325.020.821
Chi phí quảng cáo sản phẩm	7.624.913.279
Chi phí khác	544.779.604
	15.897.546.363

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 09/11/2017 đến 31/12/2017 VND
Chi phí nhân viên	3.766.990.142
Chi phí khấu hao TSCĐ	257.994.380
Chi phí khác	378.451.123
	4.403.435.645

6.5 Lãi trên cổ phiếu

6.5.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 16/11/2017 đến 31/12/2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.507.334.512
Trừ:	
Trích thưởng ban điều hành	122.154.275
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	4.126.833.628
	(4.248.987.903)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.258.346.609
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	33.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	371

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

**Từ 16/11/2017
đến 31/12/2017**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	33.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	33.000.000

6.5.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6.6 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

**Từ 09/11/2017
đến 31/12/2017
VND**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.435.251.585
Chi phí nhân công	22.392.729.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.775.544.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.550.760.875
Chi phí khác	8.351.686.171
	141.505.972.712

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

7.1 Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

**Từ 09/11/2017
đến 15/11/2017
VND**

Cán trừ công nợ với Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa các khoản về quỹ và Lợi nhuận còn lại sau phân phối:

• Lợi nhuận sau phân phối từ 09/11/2017 đến 15/11/2017	615.366.106
• Quỹ đầu tư phát triển	721.132.690
• Quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành	1.067.276.838
	2.403.775.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.2 Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Từ 09/11/2017

đến 31/12/2017

VND

Chi khen thưởng, phúc lợi	4.664.227.000
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	72.000.000
	<u>4.736.227.000</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có các loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 09 tháng 11 năm 2017.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các khoản vay có gốc ngoại tệ của Công ty.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại tệ.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Công ty có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2017	09/11/2017
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	70,20	80,00
	<u>70,20</u>	<u>80,00</u>

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 09/11/2017			
Phải trả người bán	156.300.314.012	-	156.300.314.012
Chi phí phải trả	215.000.000	-	215.000.000
Phải trả khác	426.750.299.289	-	426.750.299.289
	583.265.613.301	-	583.265.613.301
Tại ngày 31/12/2017			
Phải trả người bán	114.247.082.102	-	114.247.082.102
Chi phí phải trả	75.000.000	-	75.000.000
Phải trả khác	140.194.904	-	140.194.904
	114.462.277.006	-	114.462.277.006

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	18.242.038.634	84.089.070.806	18.242.038.634	84.089.070.806
<i>Phải thu khác</i>	21.739.206	374.270.520	21.739.206	374.270.520
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	53.472.267.262	427.575.709.599	53.472.267.262	427.575.709.599
Tổng cộng	71.736.045.102	512.039.050.925	71.736.045.102	512.039.050.925
Nợ phải trả tài chính				
<i>Phải trả người bán</i>	114.247.082.102	156.300.314.012	114.247.082.102	156.300.314.012
<i>Chi phí phải trả</i>	75.000.000	215.000.000	75.000.000	215.000.000
<i>Phải trả khác</i>	140.194.904	426.750.299.289	140.194.904	426.750.299.289
Tổng cộng	114.462.277.006	583.265.613.301	114.462.277.006	583.265.613.301

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giá trị hợp lý (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản của bên thứ ba.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Từ 09/11/2017
đến 31/12/2017
VND

Lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	186.402.000
Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	207.992.415
	394.394.415

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

9.2.1 Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư các khoản phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	Tham chiếu	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa			
• Phải trả tiền mua hàng	5.11	(52.259.004.330)	(49.580.615.635)
• Phải trả - tiền thu từ cổ phần hóa	5.14	-	(425.928.950.289)
Công ty TNHH nước giải khát Sanna Khánh Hòa			
• Phải thu bán hàng	5.2	1.242.711.952	1.176.196.167

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Tham chiếu	31/12/2017 VND	09/11/2017 VND
Công ty cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa			
• Phải thu bán hàng	5.2	10.521.113.089	82.832.192.609
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam			
• Phải trả tiền mua hàng	5.11	(2.732.177.380)	(334.827.900)
Công ty TNHH MTV DV Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng			
• Phải thu bán hàng	5.2	1.143.967.550	-
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land			
• Phải thu bán hàng	5.2	5.281.749.979	-
• Phải trả tiền mua hàng	5.11	-	(4.057.329.921)
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist			
• Phải trả tiền mua hàng	5.11	(3.332.849.258)	(3.144.353.543)

9.2.2 Giao dịch với các bên liên quan

		Từ 09/11/2017 đến 31/12/2017 VND
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
• Mua hàng hóa, công cụ, nguyên liệu		306.293.457
• Mua tài sản		172.715.454
• Lương		7.669.635.315
• Phí quảng cáo		7.400.000.000
• Thanh toán		118.543.330.290
• Cấn trừ công nợ		134.607.592.339
Công ty cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
• Mua hàng		1.016.093.605
• Cấn trừ công nợ		1.117.702.965
• Thanh toán tiền hàng		16.500.000
• Bán hàng		82.832.192.609
• Cấn trừ công nợ		55.567.702.965
• Thanh toán tiền hàng		20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
• Bán hàng	5.3	8.508.411.500
• Cấn trừ công nợ		1.437.502.671
• Thanh toán tiền hàng		
Công ty TNHH MTV DV Tuyển Bắc Nam		
• Mua hàng		161.340.785
• Cấn trừ công nợ		177.474.863

9.3 Sự kiện quan trọng ảnh hưởng trong năm tài chính 2017

Công ty cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần, mã số doanh nghiệp 4201675916, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 11 năm 2017 chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Tuy nhiên, năm tài chính đầu tiên của Công ty được ghi nhận bao gồm 2 giai đoạn kế toán gồm:

- o Từ ngày 09/11/2017 đến ngày 15/11/2017: trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- o Từ ngày 16/11/2017 đến ngày 31/12/2017: cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

9.5 Số liệu đầu kỳ

Số liệu đầu kỳ ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Công ty căn cứ theo Báo cáo kiểm toán số 002/2018/BCTC-FACNT ngày 14 tháng 01 năm 2018 do Công ty TNHH Kiểm toán FAC phát hành.

NGO THỊ HƯƠNG LIEN
Kế toán trưởng

LE THỊ HỒNG VAN
Tổng Giám đốc



BUI THỊ HẠNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2018


95
TY
HƯ
AN
H
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA
 Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP - PHỤ LỤC 1

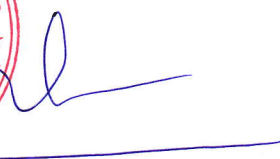
Cho kỳ kế toán từ 09/11/2017 đến 31/12/2017

	Mã số	Thuyết minh	Từ 09/11/2017 đến 15/11/2017 VND	Từ 16/11/2017 đến 31/12/2017 VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		34.709.291.053	238.659.869.791	273.369.160.844
Chiết khấu giảm trừ doanh thu	02		2.348.490	1.110.317.043	1.112.665.533
Doanh thu thuần	10	6.1	34.706.942.563	237.549.552.748	272.256.495.311
Giá vốn hàng bán	11	6.2	29.114.277.356	199.270.896.649	228.385.174.005
Lợi nhuận gộp	20		5.592.665.207	38.278.656.099	43.871.321.306
Doanh thu hoạt động tài chính	21		-	89.705.116	89.705.116
Chi phí tài chính	22		-	20.646.730	20.646.730
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-
Chi phí bán hàng	25	6.3	2.026.600.790	13.870.945.573	15.897.546.363
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	561.344.874	3.842.090.771	4.403.435.645
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		3.004.719.543	20.634.678.141	23.639.397.684
Thu nhập khác	31		-	-	-
Chi phí khác	32		-	510.000	510.000
Lợi nhuận khác	40		-	(510.000)	(510.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.004.719.543	20.634.168.141	23.638.887.684
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	600.943.908	4.126.833.629	4.727.777.537
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.403.775.635	16.507.334.512	18.911.110.147
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.5		371	


 NGÔ THỊ HƯƠNG LIÊN
 Kế toán trưởng


 LÊ THỊ HỒNG VÂN
 Tổng Giám đốc




 BÙI THỊ HẠNH
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Khánh Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH - PHỤ LỤC 2

Cho kỳ kế toán từ 09/11/2017 đến 31/12/2017

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, đồ dùng quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	105.041.734.865	111.984.737.473	7.772.267.909	91.568.183	966.617.088	225.856.925.518
Chi mua sắm trong kỳ			172.715.454			172.715.454
Đầu tư hoàn thành		77.803.974				77.803.974
Số cuối kỳ	105.041.734.865	112.062.541.447	7.944.983.363	91.568.183	966.617.088	226.107.444.946
Hao mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	32.166.258.611	46.424.085.398	2.771.194.159	32.025.592	684.246.554	82.077.810.314
Khấu hao trong kỳ	1.388.020.237	1.815.331.136	271.447.861	22.666.328	278.078.565	3.775.544.127
Số cuối kỳ	33.554.278.848	48.239.416.534	3.042.642.020	54.691.920	962.325.119	85.853.354.441
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	72.875.476.254	65.560.652.075	5.001.073.750	59.542.591	282.370.534	143.779.115.204
Số cuối kỳ	71.487.456.017	63.823.124.913	4.902.341.343	36.876.263	4.291.969	140.254.090.505
<i>Trong đó:</i>						
<i>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>	-	89.350.000	-	52.522.728	932.198.907	1.074.071.635